



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản*

Tháng 9

Số 72 (01/9/2010)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- |           |   |    |
|-----------|---|----|
| 09-8-2010 | Quyết định số 3415/QĐ-UBND ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát của quận - huyện và phường - xã - thị trấn trong thực hiện Chương trình mục tiêu Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố giai đoạn 2009 - 2015.    | 2  |
| 11-8-2010 | Quyết định số 3477/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư đường Đặng Văn Bi (một phần khu phố 5 và 6), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức. | 40 |
| 11-8-2010 | Quyết định số 3499/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 134/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.  | 46 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3415/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2010*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát của quận - huyện  
và phường - xã - thị trấn trong thực hiện Chương trình mục tiêu  
Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố giai đoạn 2009 - 2015**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 23/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 05 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 của cấp tỉnh, thành phố;

Xét đề nghị của Thường trực Ban chỉ đạo Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố tại Tờ trình số 05/TTr-BCĐ.GN ngày 22 tháng 7 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố giai đoạn 2009 - 2015 của cấp quận - huyện và phường - xã, thị trấn (sau đây viết tắt là hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát).

**Điều 2.** Giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố) làm đầu mối phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức, đoàn thể thành phố và các Sở, ngành chức năng có liên quan, tổ chức hướng dẫn các quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai thực hiện và định kỳ có tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát của quận - huyện**  
**trong thực hiện Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố giai đoạn 2009 - 2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**1. Nhóm chỉ tiêu theo dõi mục tiêu của chương trình**

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Tần suất (thời điểm, thời kỳ)</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP (TT.BCĐ.GN /TP tổng hợp tham mưu)</b>	<b>Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện</b>	<b>Cơ quan cung cấp</b>
1. Tổng số hộ gia đình	Theo khái niệm "hộ gia đình" của Tổng cục Thống kê	hộ	- Quý - 6 tháng - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Thống kê Q-H/ Ban Giảm nghèo
2. Số hộ nghèo đầu kỳ	Số hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo thành phố HCM giai đoạn 3 (2009-2015)	hộ	- Quý - 6 tháng - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn/ Ban Giảm nghèo
3. Số hộ thoát nghèo	Số hộ nghèo trong danh sách năm gốc nhưng trong năm hiện tại không phải là hộ nghèo.	hộ	- Quý - 6 tháng - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn/ Ban Giảm nghèo
4. Số hộ rơi vào nghèo (hộ phát sinh nghèo mới).	Số hộ không nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại là hộ nghèo. Chú ý tình trạng hộ nghèo di dân.	hộ	- Quý - 6 tháng - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn/ Ban Giảm nghèo
5. Số hộ tái nghèo	Số hộ nghèo nằm trong năm gốc đã vượt nghèo, nhưng trong năm hiện tại rơi lại vào hộ nghèo.	hộ	- Quý - 6 tháng - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn/ Ban Giảm nghèo

6. Số phường-xã, thị trấn nghèo	Theo khái niệm phường- xã, thị trấn nghèo (TTLT 102) là phường-xã, thị trấn nghèo có trên 25% hộ nghèo	phường-xã, thị trấn	- Quý - 6 tháng - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn/Ban Giảm nghèo
---------------------------------	--	---------------------	-----------------------------	-----------------	-------------------------------	---

## 2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện chương trình

### 2.1. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
7. Số lượt hộ nghèo được vay vốn	Số lượt hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất trong kỳ	lượt hộ	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	NHCSXH Q-H/ Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể	UBND phường-xã, thị trấn/Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể
8. Tổng doanh số cho vay	Tổng số vốn cho vay (giải ngân) phát triển sản xuất trong kỳ	triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	NHCSXH Q-H/ Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể	UBND phường-xã, thị trấn/Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể
9. Tổng số hộ dư nợ	Tổng số hộ đang dư nợ (hay đang vay vốn) phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	hộ	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	NHCSXH Q-H/ Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể	UBND phường-xã, thị trấn/Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể
10. Tổng số dư nợ (cho vay hộ nghèo)	Tổng số vốn dư nợ (cho hộ nghèo) vay phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	NHCSXH Q-H/ Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể	UBND phường-xã, thị trấn/Ban Giảm nghèo/ Các Đoàn thể

## 2.2. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách Hỗ trợ đất sản xuất, giao đất-giao rừng, di dân cho hộ nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
11. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Tài nguyên và Môi trường/ Nông nghiệp & PTNT	UBND phường-xã, thị trấn/ Ban Giảm nghèo
12. Số hộ nghèo được hỗ trợ đất sản xuất, di dân.	Số hộ nghèo nhận được hỗ trợ từ chính sách, dự án (kể cả chuộc đất)	hộ	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Tài nguyên và Môi trường/ Nông nghiệp & PTNT	UBND phường-xã, thị trấn
13. Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo	Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo	ha	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Tài nguyên và Môi trường/ Nông nghiệp & PTNT	UBND phường-xã, thị trấn

### 2.3. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Khuyến nông-lâm và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
14. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Nông nghiệp và PTNT	UBND phường-xã, thị trấn
15. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Nông nghiệp và PTNT	UBND phường-xã, thị trấn
16. Số lượt người được tập huấn, hội nghị đầu bờ,....	Tổng số người nghèo tham gia các hoạt động tập huấn, hội thảo đầu bờ,... của dự án khuyến nông, lâm, ngư phát triển sản xuất trong khuôn khổ chương trình giảm nghèo (với mục tiêu nâng cao kiến thức và kỹ năng về sản xuất)	lượt người	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Nông nghiệp và PTNT	UBND phường-xã, thị trấn
17. Số mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	Tổng số các mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	mô hình	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo.	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Nông nghiệp và PTNT	UBND phường-xã, thị trấn

## 2.4. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Phát triển CSHT thiết yếu các xã - phường nghèo, điểm nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
18. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
19. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
20. Số xã-phường, thị trấn được hỗ trợ đầu tư	Số xã-phường, thị trấn điểm nghèo nhận được kinh phí đầu tư xây dựng CSHT từ chương trình.	phường-xã, thị trấn	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
21. Tổng số công trình được xây dựng và kinh phí	Tổng số các công trình (dự án) được đầu tư xây dựng trên địa bàn; kinh phí	công trình, triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
<ul style="list-style-type: none"> <li>Giao thông</li> <li>Kinh phí</li> </ul>	Tổng số các công trình (dự án) giao thông (đường, cầu), và kinh phí	công trình, triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
<ul style="list-style-type: none"> <li>Thủy lợi</li> <li>Kinh phí</li> </ul>	Tổng số các công trình (dự án) thủy lợi (nuông, đập, cống, hồ chứa,...), và kinh phí	công trình, triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn



Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
<ul style="list-style-type: none"> <li>Trường học, lớp học</li> <li>Kinh phí</li> </ul>	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng trường, phòng học và kinh phí	công trình, triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
<ul style="list-style-type: none"> <li>Trạm y tế</li> <li>Kinh phí</li> </ul>	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng trạm y tế, phòng khám; kinh phí	công trình, triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
<ul style="list-style-type: none"> <li>Chợ</li> <li>Kinh phí</li> </ul>	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng chợ, trung tâm thương mại, điểm bán hàng,... ; kinh phí	công trình, triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện</li> <li>Kinh phí</li> </ul>	Tổng số các công trình (dự án) điện (đường dây, trạm biến áp, phân phối, thủy điện nhỏ,...); kinh phí	công trình, triệu đồng	- Tháng - Quý - Năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn

### 2.5. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Dạy nghề cho người nghèo

22. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính-Kế hoạch, Trung tâm Dạy nghề	UBND phường-xã, thị trấn
23. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính-Kế hoạch, Trung tâm Dạy nghề	UBND phường-xã, thị trấn

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
24. Số người nghèo được hỗ trợ học nghề	Tổng số người nghèo được hỗ trợ học nghề trong khuôn khổ dự án dạy nghề cho người nghèo	người	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Trung tâm Dạy nghề	UBND phường-xã, thị trấn

## 2.6. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Nhân rộng mô hình giảm nghèo

25. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính-Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT	UBND phường-xã, thị trấn
26. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính-Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT	UBND phường-xã, thị trấn
27. Số mô hình giảm nghèo được xây dựng / nhân rộng	Tổng số mô hình giảm nghèo được đầu tư kinh phí xây dựng (với mục tiêu mô hình mẫu, trình diễn) trên địa bàn.	mô hình	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Ban giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn
28. Số hộ nghèo tham gia mô hình	Tổng số hộ nghèo tham gia mô hình giảm nghèo được xây dựng/ nhân rộng	hộ	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Ban giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn

## 2.7. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách Hỗ trợ về y tế cho người nghèo-hộ nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
29. Tổng kinh phí	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính-Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
30. Số người nghèo được cấp thẻ BHYT (bắt buộc)	Tổng số người nghèo được cấp thẻ BHYT trong kỳ.	người	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Bảo hiểm Xã hội/ Ban Giám nghèo	UBND phường-xã, thị trấn
31. * Số người cận nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT (tự nguyện) 32. * Kinh phí.	Tổng số người nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT.	người	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Bảo hiểm Xã hội/ Ban Giám nghèo/ UB.MTTQ	UBND phường-xã, thị trấn
33. Số lượt người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí 34. Kinh phí	Tổng số người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí.	người	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Bảo hiểm Xã hội/ Bệnh viện Quận-huyện	UBND phường-xã, thị trấn

## 2.8. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
35. Tổng kinh phí	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	-UBND quận-huyện -Sở GD và ĐT	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Giáo dục và Đào tạo/ Tài chính-Kế hoạch/ các Trường; Cơ sở GD và ĐT	UBND phường-xã, thị trấn
36. Số học sinh nghèo được miễn học phí	Số học sinh ở tất cả các cấp học là con, em hộ nghèo được miễn (100%) học phí (so với học sinh không nghèo).	người	- Tháng - Quý - 1 năm	- UBND quận-huyện - Sở GD và ĐT	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giảm nghèo	Phòng Giáo dục và Đào tạo/ Tài chính-Kế hoạch/ các Trường; Cơ sở GD và ĐT	UBND phường-xã, thị trấn

## 2.9. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường

### a) Về nhà ở

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
37. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính-Kê hoạch -Ban Dân tộc-UB.MTTQ	UBND phường-xã, thị trấn
38. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Ban Dân tộc UB MTTQ	UBND phường-xã, thị trấn
39. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở.	Hộ	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Ban Dân tộc-UBMTTQ - các Đoàn thể	UBND phường-xã, thị trấn
40. Trong đó: Số hộ nghèo dân tộc thiểu số được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở.	hộ	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Ban Dân tộc UBMTTQ - các đoàn thể	UBND phường-xã, thị trấn

**b) Về nước sinh hoạt**

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
41. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	- Phòng Tài chính-Kế hoạch/ - Công ty cổ phần cấp nước khu vực	UBND phường-xã, thị trấn
42. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí tạo nguồn nước sinh hoạt	Tổng số hộ nghèo nhận hỗ trợ kinh phí để tạo nguồn nước sinh hoạt trong khuôn khổ chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho hộ nghèo	hộ	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	-UBMTTQ - Các đoàn thể - Nông nghiệp-PTNT	UBND phường-xã, thị trấn

**c) Về vệ sinh môi trường**

43. Tổng kinh phí huy động - vận động thực hiện.	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP hoặc vận động để thực hiện công trình.	triệu đồng	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	-Phòng TC-KH/UBMTTQ/ Các đoàn thể/ Nông nghiệp-PTNT	UBND phường-xã, thị trấn
44. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí để xây nhà vệ sinh tự hoại	Tổng số hộ nghèo nhận hỗ trợ kinh phí có thể cho không hoặc cho vay có lãi suất ưu đãi.	hộ	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	-UBMTTQ/ Các đoàn thể / Nông nghiệp-PTNT	UBND phường-xã, thị trấn

## 2.10. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận-huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
45. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tư pháp- Phòng Tài chính-Kế hoạch	UBND phường-xã, thị trấn
46. Số lượt người nghèo được trợ giúp pháp lý miễn phí	Tổng số người nghèo nhận được ý kiến tư vấn, hướng dẫn về các pháp lý miễn phí từ trợ giúp viên hay cộng tác viên.	lượt người	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tư pháp	UBND phường-xã, thị trấn
47. Số lượt trợ giúp viên và cộng tác viên trợ giúp pháp lý được đào tạo, tập huấn	Tổng số người là trợ giúp viên pháp lý trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.	lượt người	- Tháng - Quý - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tư pháp	UBND phường-xã, thị trấn

## 2.11. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án Đào tạo cán bộ giảm nghèo, tổ trưởng tổ tự quản

48. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách Trung ương, thành phố theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Phòng Tài chính-Kế hoạch/ Ban Giám nghèo	UBND phường-xã, thị trấn
49. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	1 năm	UBND quận-huyện	Phòng LĐ-TBXH/ Ban Giám nghèo	Ban Giám nghèo	UBND phường-xã, thị trấn

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND/ TP	Cơ quan tổng hợp cấp quận- huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp quận- huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp phường-xã, thị trấn
50. Số lượt cán bộ được đào tạo tập huấn	Tổng số người là cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo.	lượt người	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận- huyện	Phòng LĐ- TBXH/ Ban Giảm nghèo	Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn
51. Số cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp phường-xã, thị trấn	Tổng số người là cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp phường-xã, thị trấn	người	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận- huyện	Phòng LĐ- TBXH/ Ban Giảm nghèo	Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn
52. Số lượt tổ trưởng tổ tự quản được đào tạo tập huấn	Tổng số người là tổ trưởng tổ tự quản làm công tác giảm nghèo trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ xóa đói giảm nghèo.	lượt người	- 6 tháng - 1 năm	UBND quận- huyện	Phòng LĐ- TBXH/ Ban Giảm nghèo	Ban Giảm nghèo	UBND phường-xã, thị trấn

Chữ viết tắt:

Phòng TC-KH: Phòng Tài chính - Kế hoạch

UB.MTTQ: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

CS.GD-ĐT: Cơ sở Giáo dục-Đào tạo

NHCSXH: Ngân hàng Chính sách Xã hội

Phòng GD-ĐT: Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phòng NNPTNT: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



**Hệ thống chỉ tiêu giám sát , đánh giá của phường - xã, thị trấn  
trong thực hiện Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố giai đoạn 2009 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2010 của của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**A. Nhóm chỉ tiêu theo dõi mục tiêu của chương trình:**

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ) theo dõi, báo cáo	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo UBND.Q-H (TT.Ban.GN.Q H tổng hợp tham mưu)	Cơ quan tổng hợp cấp phường-xã, thị trấn	Cán bộ phụ trách cung cấp thông tin	Nguồn cung cấp thông tin
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<b><u>I. Chỉ tiêu về hộ nghèo:</u></b> 1. Tổng số hộ gia đình	Theo khái niệm "hộ gia đình" của Tổng cục Thống kê; và số liệu công bố hằng năm của Cục Thống kê thành phố	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	Cán bộ Thống kê	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
2. Số hộ nghèo đầu kỳ	Số hộ có mức thu nhập bình quân đầu người từ 12 triệu đồng/người/năm trở xuống	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
3. Số hộ vượt chuẩn nghèo giai đoạn 3: 3.1. Cắt giảm khỏi chương trình do thu nhập được nâng lên. 3.2. Số hộ cắt giảm khỏi chương trình do lý do khác	3.1. Số hộ nghèo trong danh sách gốc của chương trình (có mã số), được sự hỗ trợ của chương trình, có thu nhập bình quân đầu người trên 12 triệu đồng/người/năm. 3.2. Số hộ nghèo trong danh sách gốc của chương trình (có mã số), cắt giảm do chuyển đi nơi khác, chết...	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<p><b>4. Số hộ nghèo phát sinh trong kỳ báo cáo:</b></p> <p>4.1. Chưa nằm trong danh sách gốc.</p> <p>4.2. Đã có tên trong danh sách gốc.</p> <p>4.3. Số hộ tái nghèo</p>	<p>4.1. Số hộ không nằm trong danh sách gốc, nhưng trong năm hiện tại có thu nhập trong chuẩn nghèo, do sai sót trong điều tra; mới nhập cư (từ địa phương khác ngoài thành phố); tăng thành viên, giảm thu nhập trong làm ăn...vv..</p> <p>4.2. Số hộ nghèo đã có tên trong danh sách gốc (từ quận-huyện khác trong thành phố) chuyển đến cư ngụ tại địa phương trong năm hiện tại.</p> <p>4.3. Số hộ nghèo nằm trong danh sách gốc đã vượt nghèo những năm trước, nhưng trong năm hiện tại rơi lại vào chuẩn nghèo giai đoạn 3</p>	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tụ quản GN
<p><b>5.. Số hộ nghèo cuối kỳ</b></p>	<p>Số hộ nghèo còn lại vào thời điểm báo cáo sau khi tăng, giảm trong kỳ.</p>	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND - Tụ quản GN
<p><b>6. Nâng thu nhập cho số hộ nghèo có thu nhập bình quân từ 6 triệu đ/người/năm trở xuống:</b></p> <p>- Số hộ đầu kỳ:</p> <p>- Số hộ nâng thu nhập trong kỳ:</p> <p>- Số hộ còn lại cuối kỳ</p>	<p>Số hộ nghèo có thu nhập bình quân từ 6 triệu đồng/người/năm trở xuống, được hỗ trợ nâng thu nhập lên trên 6 triệu đồng/người/năm.</p>	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tụ quản GN
<p><b>7. Nâng thu nhập cho số hộ nghèo có thu nhập bình quân trên 6 triệu - 8 triệu đ/người/năm :</b></p> <p>- Số hộ đầu kỳ:</p> <p>- Số hộ nâng thu nhập trong kỳ.</p> <p>- Số hộ còn lại cuối kỳ</p>	<p>Số hộ nghèo có thu nhập bình quân từ trên 6 triệu đồng - 8 triệu đồng/người/năm được hỗ trợ nâng thu nhập lên trên 8 triệu đồng/người/năm.</p>	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tụ quản GN

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<p><b>8.</b> Nâng thu nhập cho số hộ nghèo có thu nhập bình quân trên 8 triệu - 10 triệu đ/người/ năm :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hộ đầu kỳ:</li> <li>- Số hộ nâng thu nhập trong kỳ.</li> <li>- Số hộ còn lại cuối kỳ</li> </ul>	<p>Số hộ nghèo có thu nhập bình quân từ trên 8 triệu đồng - 10 triệu đồng/người/năm được hỗ trợ nâng thu nhập lên trên 10 triệu đồng/người/năm.</p>	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
<p><b>9.</b> Số hộ nghèo không khả năng nâng thu nhập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hộ đầu kỳ:</li> <li>- Số hộ tăng giảm trong kỳ:</li> <li>- Số hộ cuối kỳ:</li> </ul>	<p>Là những hộ nghèo do thiếu lao động, có thành viên bệnh nan y, có thành viên đang hưởng trợ cấp Nghị định 67/CP... và không khả năng lao động tạo thu nhập.</p>	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
<p><b><u>II. Chỉ tiêu về địa phương (quận - huyện, phường - xã, thị trấn) nghèo và không còn hộ nghèo</u></b></p> <p>Khái niệm về phường-xã, thị trấn nghèo.</p>	<p>Theo khái niệm tương đối: là phường-xã, thị trấn có trên 25% số hộ nghèo/tổng hộ dân, có yêu cầu được hỗ trợ cải thiện về hạ tầng, an sinh - xã hội</p>						
<p><b>10.</b> Phường-xã, thị trấn không còn hoặc cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 6 triệu đồng/người/năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đầu kỳ:</li> <li>- Số tăng giảm trong kỳ:</li> <li>- Số cuối kỳ:</li> </ul>	<p>Là phường - xã, thị trấn không còn (0%) hoặc cơ bản không còn (dưới 1%) hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 6 triệu đồng/người/năm.</p>	hộ	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<p><b>11.</b> Phường-xã, thị trấn không còn hoặc cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 8 triệu đồng/người/năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đầu kỳ:</li> <li>- Số tăng giảm trong kỳ:</li> <li>- Số cuối kỳ:</li> </ul>	<p>Là phường - xã, thị trấn không còn (0%) hoặc cơ bản không còn (dưới 1%) hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 8 triệu đồng/người/năm.</p>	hộ	1 năm	UBND phường - xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố - ấp; Tổ DP - Tổ ND - Tự quản GN
<p><b>12.</b> Phường-xã, thị trấn không còn hoặc cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 10 triệu đồng/người/năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đầu kỳ:</li> <li>- Số tăng giảm trong kỳ:</li> <li>- Số cuối kỳ:</li> </ul>	<p>Là phường - xã, thị trấn không còn (0%) hoặc cơ bản không còn (dưới 1%) hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 10 triệu đồng/người/năm.</p>	hộ	1 năm	UBND phường - xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố - ấp; Tổ DP - Tổ ND - Tự quản GN
<p><b>13.</b> Phường-xã, thị trấn không còn hoặc cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 12 triệu đồng/người/năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đầu kỳ:</li> <li>- Số tăng giảm trong kỳ:</li> <li>- Số cuối kỳ:</li> </ul>	<p>Là phường - xã, thị trấn không còn (0%) hoặc cơ bản không còn (dưới 1%) hộ nghèo có thu nhập bình quân dưới 12 triệu đồng/người/năm.</p>	hộ	1 năm	UBND phường - xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	Cán bộ chuyên trách GN	Khu phố - ấp; Tổ DP - Tổ ND - Tự quản GN

**B. Nhóm chỉ tiêu theo dõi thực hiện các giải pháp - chính sách của chương trình:****14. Chỉ tiêu vận động - huy động các nguồn lực:**

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<b>14.1.</b> Nguồn tín dụng ưu đãi, tín dụng nhỏ: - Số đầu kỳ: - Tăng giảm giữa kỳ: - Số cuối kỳ:	Bao gồm các nguồn quỹ: quỹ giảm nghèo; quỹ quốc gia về việc làm; quỹ 156; quỹ 316 NH.CSXH; quỹ hỗ trợ lãi vay từ NS.TP (QĐ.105); tín dụng nhỏ của các đoàn thể	triệu đồng	quý; năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- Cán bộ chuyên trách GN - CB Hội Đoàn thể	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
<b>14.2.</b> Nguồn vận động (tặng; cho không): - Số đầu kỳ: - Tăng giảm trong kỳ: - Số cuối kỳ	Bao gồm các nguồn vận động từ cộng đồng xã hội thông qua các chương trình xã hội từ thiện: Quỹ Vì người nghèo của MTTQ; nguồn Quỹ nhân đạo của Hội Chữ thập đỏ; các Hội-đoàn thể; nguồn vận động trao tặng hiện vật	triệu đồng	quý; năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- Cán bộ chuyên trách GN - CB Hội Đoàn thể	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
<b>14.3.</b> Nguồn ngân sách và vận động: - Số đầu kỳ: - Tăng giảm trong kỳ: - Số cuối kỳ:	Để thực hiện hỗ trợ các chính sách về y tế; giáo dục; đào tạo cán bộ giảm nghèo, thực hiện các công trình dân sinh, phúc lợi xã hội, các chương trình hướng nghiệp, nâng cao trình độ cho người nghèo	triệu đồng	Quý; năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. chuyên trách GN - CB Hội Đoàn thể - CB.YT - CB.GD	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

**15. Các chỉ tiêu theo dõi sử dụng nguồn lực thực hiện tín dụng ưu đãi , tín dụng nhỏ cho hộ nghèo:**

A	B	1	2	3	4	5	6
<b>15.1. Quỹ Giảm nghèo</b>	Thành lập theo quyết định của UBND/TP số 140/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2006, cho hộ nghèo (có mã số) vay vốn phát triển sản xuất tạo thu nhập.						
Số dư nợ đầu kỳ mang sang: - Số hộ: - Số tiền:	Số dư nợ đầu kỳ (của năm trước; tháng trước) chuyển sang.	hộ; triệu đồng.	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	CB.chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ đầu kỳ mang sang: - Nợ trong hạn. - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có gia hạn xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	hộ; triệu đồng.	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	CB.chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng doanh số cho vay: - Lượt hộ vay: - Số tiền	Tổng số vốn giải ngân cho hộ nghèo vay phát triển sản xuất trong kỳ	lượt hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	CB.chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số vốn thu hồi: - Số hộ - Số tiền	Tổng số hộ vay phát triển sản xuất đã hoàn trả vốn trong kỳ báo cáo.	hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	CB.chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số dư nợ cuối kỳ: - Số hộ - Số tiền	Tổng số (lũy kế) số dư nợ cho hộ nghèo vay phát triển sản xuất cuối kỳ báo cáo	hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giảm nghèo.	CB.chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

A	B	1	2	3	4	5	6
Thực trạng dư nợ cuối kỳ : - Nợ trong hạn. - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có gia hạn xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	CB.chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự uản GN
<b>15.2. Quỹ quốc gia về việc làm:</b>	Thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005.  Tập trung nội dung cho vay vốn của dự án hộ nghèo (có mã số) sản xuất kinh doanh tạo việc làm mới hoặc dự án thu hút thêm lao động nghèo vào làm.						
Số dư nợ đầu kỳ mang sang: - Số dự án: - Số hộ: - Số tiền:	Số dư nợ đầu kỳ (của năm trước; tháng trước) chuyển sang.	hộ; triệu đồng.	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN  - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ đầu kỳ mang sang: - Nợ trong hạn - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có gia hạn xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	hộ; triệu đồng.	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN  - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng doanh số cho vay : - Số dự án: - Số hộ vay: - Số tiền	Tổng số vốn giải ngân cho dự án (có hộ nghèo) vay sản xuất kinh doanh tạo việc làm mới hoặc dự án thu hút lao động nghèo vào làm trong kỳ	Dự án; hộ; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN  - CB.LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

A	B	1	2	3	4	5	6
Tổng số vốn thu hồi: -Số dự án - Số hộ - Số tiền	Tổng số dự án (có hộ nghèo) vay sản xuất kinh doanh tạo việc làm mới hoặc dự án thu hút lao động nghèo vào làm đã hoàn trả vốn trong kỳ báo cáo.	Dự án; hộ; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số dư nợ cuối kỳ: - Số hộ: - Số tiền:	Tổng số (lũy kế) số dự án (có hộ nghèo) vay sản xuất kinh doanh tạo việc làm mới hoặc dự án thu hút lao động nghèo vào làm, cuối kỳ báo cáo	Dự án; hộ; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ cuối kỳ : - Nợ trong hạn. - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có gia hạn xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	Dự án; hộ; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
<b>15.3. Quỹ hỗ trợ Đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố</b>	Thành lập theo quyết định của UBND/TP số 156/QĐ-UB ngày 27 tháng 10 năm 2006, thực hiện hỗ trợ 2 nội dung gồm hỗ trợ giáo dục và đào tạo nghề (không hoàn lại) và hỗ trợ cho vay sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm.						
<b>15.3.1. Hỗ trợ giáo dục và đào tạo nghề (không hoàn lại):</b> - Số đầu kỳ: -Phát sinh trong kỳ: -Số cuối kỳ	Bao gồm việc hỗ trợ học phí và cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên và hỗ trợ đào tạo nghề	- Số HS - SV; - triệu đồng.	Tháng; Quý; 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN



A	B	1	2	3	4	5	6
<b>15.3.2. Hỗ trợ cho vay SXKD giải quyết việc làm:</b> Số dư nợ đầu kỳ mang sang: - Số dự án: - Số hộ: - Số tiền:	Số dư nợ đầu kỳ (của năm trước; tháng trước) chuyên sang.	hộ; triệu đồng.	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ đầu kỳ mang sang: - Nợ trong hạn - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có gia hạn xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	hộ; triệu đồng.	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng doanh số cho vay: - Số dự án: - Số hộ vay: - Số tiền	Tổng số vốn giải ngân cho dự án (có hộ nghèo) vay sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm trong kỳ	Dự án; hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số vốn thu hồi: - Số dự án - Số hộ - Số tiền	Tổng số dự án (có hộ nghèo) vay sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm đã hoàn trả vốn trong kỳ báo cáo.	Dự án; hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số dư nợ cuối kỳ: - Số dự án: - Số hộ: - Số tiền:	Tổng số (lũy kế) dư nợ của số dự án (có hộ nghèo) vay sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm cuối kỳ báo cáo	Dự án; hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ cuối kỳ: - Nợ trong hạn - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có gia hạn xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	Dự án; hộ; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

A	B	1	2	3	4	5	6
<b>15.4. Quỹ cho hộ nghèo vay của NHCSXH</b>	Thực hiện theo Hướng dẫn của Tổng Giám đốc NH.CSXH về nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo số 316/NHCS-KH ngày 2 tháng 5 năm 2003.						
Số dư nợ đầu kỳ mang sang: - Số hộ: - Số tiền:	Số dư nợ đầu kỳ (của năm trước; tháng trước) chuyển sang.	hộ; triệu đồng.	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ đầu kỳ mang sang: - Nợ trong hạn - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu cho vay lưu vụ xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	hộ; triệu đồng.	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN
Tổng doanh số cho vay: - Lượt hộ vay: - Số tiền	Tổng số vốn giải ngân cho hộ nghèo vay trong kỳ	lượt hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số vốn thu hồi: - Số hộ - Số tiền	Tổng số vốn vay đã hoàn trả trong kỳ báo cáo.	hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số dư nợ cuối kỳ: - Số hộ: - Số tiền	Tổng số (lũy kế) số dư nợ cho hộ nghèo vay cuối kỳ báo cáo.	hộ; triệu đồng	Tháng, quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ cuối kỳ: - Nợ trong hạn. - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có xét cho vay lưu vụ xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	hộ; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB chuyên trách GN - CB. LĐ- TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

A	B	1	2	3	4	5	6
<b>15.5. Nguồn tín dụng nhỏ của Hội, đoàn thể</b>	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ, Liên Minh Hợp Tác Xã, Quỹ CEP, Quỹ hỗ trợ Nông dân-Hội ND, Hội CCB, Đoàn TNCS						
- Hoạt động cho vay từng loại quỹ: - Số dư nợ đầu kỳ: - Số giải ngân trong kỳ: - Lũy kế dư nợ cuối kỳ:	Theo dõi chi tiết nguồn tín dụng nhỏ cho vay hội viên, đoàn viên nghèo (có mã số) của từng quỹ tín dụng nhỏ của các tổ chức, đoàn thể	số hộ; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB Hội Đoàn thể	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Thực trạng dư nợ đầu kỳ và cuối kỳ báo cáo: - Nợ trong hạn - Nợ quá hạn	Phân tích thực trạng nợ trong hạn (nếu có gia hạn xem như trong hạn) và nợ quá hạn (tập trung trên số nợ không khả năng hoàn trả).	số dự án; số hộ nghèo; triệu đồng	Quý 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo	- CB Hội Đoàn thể	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

### 16. Chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án khuyến Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp và hỗ trợ sản xuất phát triển ngành nghề

A	B	1	2	3	4	5	6
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Hội - Đoàn thể - Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN
Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Hội - Đoàn thể - Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN
Số lượt người được tập huấn, hội nghị đầu bờ,....	Tổng số người nghèo tham gia các hoạt động tập huấn, hội thảo đầu bờ,.... của dự án khuyến nông, lâm, ngư phát triển sản xuất trong khuôn khổ chương trình giảm nghèo (với mục tiêu nâng cao kiến thức và kỹ năng về sản xuất)	lượt người	6 tháng, 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Hội-Đoàn thể	Khu phố- ấp; Tổ DP- Tổ ND- Tự quản GN

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Số mô hình khuyến nông trình diễn	Tổng số các mô hình khuyến nông trình diễn	mô hình	6 tháng, 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Hội-Đoàn thể	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số dự án vay vốn phát triển sản xuất được hỗ trợ cấp bù lãi suất: Số đầu kỳ: Phát sinh trong kỳ: Số cuối kỳ:	Theo Quyết định UBND thành phố Hồ Chí Minh số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006, ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010.	số dự án; số hộ nghèo	6 tháng, 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Hội-Đoàn thể - Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số vốn hỗ trợ cấp bù lãi suất cho vay phát triển sản xuất	Vốn chi trong kỳ cấp bù việc hỗ trợ lãi suất	triệu đồng	6 tháng, 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Hội - Đoàn thể - Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

### 17. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các phường - xã nghèo:

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Dá - CB Kế toán - CB. chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Dá - CB Kế toán - CB. chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Số phường-xã được hỗ trợ đầu tư	Số xã phường, điểm nghèo nhận được kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ chương trình.	phường-xã, thị trấn	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Dá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN
Tổng số công trình được xây dựng và kinh phí: + Xây dựng mới: + Duy tu bảo dưỡng:	Tổng số các công trình (dự án) được đầu tư xây dựng trên địa bàn; kinh phí	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Dá - CB Kế toán - CB. chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN
+ Giao thông Kinh phí (xây dựng mới; duy tu bảo dưỡng)	Tổng số các công trình (dự án) giao thông (đường, cầu), và kinh phí	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Dá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN
+ Thủy lợi Kinh phí (xây dựng mới; duy tu bảo dưỡng)	Tổng số các công trình (dự án) thủy lợi (mương, đập, cống, hồ chứa,...), và kinh phí	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Dá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN
+ Trường học, lớp học Kinh phí (xây dựng mới; duy tu bảo dưỡng)	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng trường, phòng học và kinh phí	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Dá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
+ Trạm y tế Kinh phí (xây dựng mới; duy tu bảo dưỡng)	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng trạm y tế, phòng khám; kinh phí	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Đá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN
+ Chợ Kinh phí (xây dựng mới; duy tu bảo dưỡng)	Tổng số các công trình (dự án) xây dựng chợ, trung tâm thương mại, điểm bán hàng,...; kinh phí	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Đá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN
+ Điện Kinh phí (xây dựng mới; duy tu bảo dưỡng)	Tổng số các công trình (dự án) điện (đường dây, trạm biến áp, phân phối, thủy điện nhỏ,...); kinh phí	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Đá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN
+ Nhà Văn hóa Kinh phí (xây dựng mới; duy tu bảo dưỡng)	Tổng số các công trình và các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa - thông tin	công trình, triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB. QL.Đá - CB Kế toán - CB chuyên trách GN	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND-Tự quản GN

**18. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án dạy nghề cho lao động nghèo:**

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN  - CB. LĐ-TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN  - CB. LĐ-TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số người nghèo được hỗ trợ học nghề	Tổng số người nghèo được hỗ trợ học nghề trong khuôn khổ dự án dạy nghề cho người nghèo	người	Tháng - quý - năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN  - CB. LĐ-TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số người nghèo được hỗ trợ giải quyết việc làm: - Trong nước - Ngoài nước	Tổng số người nghèo được hỗ trợ giải quyết việc làm trong khuôn khổ dự án dạy nghề cho người nghèo	người	Tháng - quý - năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN  - CB. LĐ-TBXH	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

**19. Các chỉ tiêu theo dõi Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo:**

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số mô hình giảm nghèo được xây dựng/nhân rộng	Tổng số mô hình giảm nghèo được đầu tư kinh phí xây dựng (với mục tiêu mô hình mẫu, trình diễn) trên địa bàn.	mô hình	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số hộ nghèo tham gia mô hình	Tổng số hộ nghèo tham gia mô hình giảm nghèo được xây dựng/nhân rộng	hộ	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN



**20. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo - hộ nghèo:**

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng kinh phí	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số người nghèo được cấp thẻ BHYT (bắt buộc), nhóm hộ <= 8T. Kinh phí.	Tổng số người nghèo được cấp thẻ BHYT (bắt buộc) trong kỳ.	người; triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
* Số người nghèo được hỗ trợ 50% mua thẻ BHYT (bắt buộc) nhóm hộ > 8 T-12T * Kinh phí.	Tổng số người nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT (bắt buộc).	người ; triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số lượt người nghèo được khám chữa bệnh theo BHYT (bắt buộc); Kinh phí	Tổng số người nghèo được khám chữa bệnh theo BHYT (bắt buộc).	người; triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. Y Tế	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

## 21. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo:

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Số học sinh nghèo được miễn học phí	Số học sinh ở tất cả các cấp học là con, em hộ nghèo được miễn (100%) học phí (so với học sinh không nghèo).	người	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. GD	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số học sinh, sinh viên nghèo được cấp học bổng, kinh phí	Hỗ trợ cấp học bổng từ các nguồn vận động trong cộng đồng của các tổ chức, đơn vị, Mặt trận, đoàn thể	suất Triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. GD	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số học sinh nghèo bỏ học - nghỉ học	Theo dõi nguyên nhân số học sinh nghèo bỏ học - nghỉ học để có giải pháp phù hợp	người	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. GD	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

## 22. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường

### 22.1. Về nhà ở

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. ĐC	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

Vốn vận động cộng đồng (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,...	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. ĐC	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng mới nhà tình thương; kinh phí.	Tổng số hộ nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, nhà tình thương	hộ, triệu đồng.	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. ĐC	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ sửa chữa nhà - chống ngập - dột; kinh phí	Tổng số hộ nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để sửa chữa nhà ở, chống ngập - dột..	hộ; triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. ĐC	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

## 22.2. Về nước sinh hoạt

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. ĐC	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí tạo nguồn nước sinh hoạt	Tổng số hộ nghèo nhận hỗ trợ kinh phí để tạo nguồn nước sinh hoạt trong khuôn khổ chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho hộ nghèo	hộ	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban Giám nghèo.	- CB chuyên trách GN - CB.Kế toán - CB. ĐC	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

### 22.3. Về vệ sinh môi trường

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng kinh phí huy động - vận động thực hiện.	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP hoặc vận động để thực hiện công trình	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường-xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN -CB.Kế toán - CB.ĐC	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí để xây nhà vệ sinh tự hoại	Tổng số hộ nghèo nhận hỗ trợ kinh phí có thể cho không, hoặc cho vay có lãi suất ưu đãi.	hộ	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường-xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB.Kế toán - CB. ĐC	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

### 23. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường-xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. Tư pháp	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số lượt người nghèo được trợ giúp pháp lý miễn phí	Tổng số người nghèo nhận được ý kiến tư vấn, hướng dẫn về pháp lý miễn phí từ trợ giúp viên hay cộng tác viên.	lượt người	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường-xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. Tư pháp	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số lượt trợ giúp viên và cộng tác viên trợ giúp pháp lý được đào tạo, tập huấn	Tổng số người là trợ giúp viên pháp lý trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý.	lượt người	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường-xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB. Tư pháp	Khu phố-áp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

### C. Nhóm chỉ tiêu theo dõi các giải pháp đảm bảo cho chương trình:

#### 24. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án Đào tạo cán bộ giảm nghèo, tổ trưởng tổ tự quản

<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng vốn ngân sách để thực hiện công tác đào tạo.	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP-QH theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn		1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường- xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Vốn Ngân sách - Lãi điều tiết Quỹ giảm nghèo để chi lương và hoạt động giảm nghèo.	- Chi lương theo QĐ.174 - Theo điều tiết Quỹ Giảm nghèo.	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo. phường- xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số lượt cán bộ chuyên trách Giảm nghèo quận - huyện, phường - xã, thị trấn được đào tạo tập huấn	Tổng số người là cán bộ chuyên trách Giảm nghèo QH-PX, Thị trấn trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ.	lượt người	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường- xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số Tổ Tự quản giảm nghèo, tổ hợp tác... được thành lập	Tổng số tổ tự quản giảm nghèo + Đầu kỳ: + Phát sinh trong kỳ: + Số cuối kỳ:	tổ	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường- xã, thị trấn	- CB Chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số lượt tổ trưởng tổ tự quản được đào tạo tập huấn	Tổng số người là tổ trưởng tổ tự quản làm công tác giảm nghèo trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ .	lượt người	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường- xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

**25. Chỉ tiêu theo dõi dự án lập kế hoạch giảm nghèo có sự tham gia của người dân:**

<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
Tổng vốn ngân sách TP-QH để thực hiện công tác thí điểm.	Tổ chức hội thảo, hội nghị	lượt người; triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường-xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN  - CB. Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Triển khai phường-xã, thị trấn điểm và nhân rộng	Tổ chức hội thảo, hội nghị	Số phường-xã, thị trấn; lượt người; triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường-xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN  - CB. Kế toán	Khu phố- ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

**26. Phần chỉ tiêu đặc thù riêng cho huyện Cần Giờ:**

**Chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, giao đất - giao rừng, di dân cho hộ nghèo:**

<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	triệu đồng	1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường- xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN  - CB. Kế toán  - CB LT	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN
Số hộ nghèo được hỗ trợ đất sản xuất, di dân.	Số hộ nghèo nhận được hỗ trợ từ chính sách, dự án (kể cả chuộc đất)	hộ	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường- xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN  - CB. Kế toán  - CB LT	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

A	B	1	2	3	4	5	6
Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo	Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo DTTS	ha	6 tháng 1 năm	UBND phường-xã, thị trấn	Ban giảm nghèo phường- xã, thị trấn	- CB chuyên trách GN - CB. Kế toán - CB LT	Khu phố-ấp; Tổ DP-Tổ ND- Tự quản GN

**Chữ viết tắt:**

CB.LT: cán bộ lâm trường

NHCSXH: Ngân hàng Chính sách Xã hội

Phòng GD-ĐT: Phòng Giáo dục và Đào tạo

Kp-ấp: khu phố-ấp

Tổ ND: Tổ nhân dân

CB.CT.GN: cán bộ chuyên trách giảm nghèo

Phòng TC-KH: Phòng Tài chính và Kế hoạch

UB.MTTQ: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

CS.GD-ĐT: Cơ sở Giáo dục Đào tạo

Tổ DP: Tổ dân phố

Tổ TQGN: tổ tự quản giảm nghèo

CB.LĐ TB-XH: cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3477/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị  
tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư đường Đặng Văn Bi  
(một phần khu phố 5 và 6), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5287/QĐUB-QLĐT ngày 14 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chung quận Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1972/TTr-SQHKT ngày 23 tháng 7 năm 2010 về trình duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư đường Đặng Văn Bi (một phần khu phố 5 và 6), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu dân cư đường Đặng Văn Bi (một phần khu phố 5 và 6), phường Trường Thọ, quận Thủ Đức với các nội dung chính như sau:

**1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:**

- Quy mô khu vực quy hoạch: 79,64 ha.

- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch: khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc một phần khu phố 5 và 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức. Ranh giới khu vực quy hoạch được xác định bởi:

+ Phía Đông Bắc giáp đường Đặng Văn Bi.

+ Phía Đông Nam giáp Xa lộ Hà Nội.

+ Phía Tây Bắc giáp khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Tây Nam giáp đường Vành đai trong - quy hoạch dự phóng.

**2. Lý do và sự cần thiết phải lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:**

- Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu dân cư đường Đặng Văn Bi đã được nghiên cứu và trình duyệt (năm 2001). Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất trong khu vực đã có nhiều thay đổi; do đó, cần định hướng phát triển không gian đô thị phù hợp với sự phát triển chung của quận Thủ Đức và thành phố Hồ Chí Minh, làm cơ sở cho việc quản lý đầu tư các dự án trên địa bàn phường.

- Những cơ sở công nghiệp hiện hữu có hoạt động sản xuất gây ô nhiễm môi trường, hoạt động không hiệu quả, cần có giải pháp chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhằm khai thác quỹ đất, thiết lập lại bộ mặt đô thị trong tương lai.

- Khu vực quy hoạch có các tuyến giao thông quan trọng: Xa lộ Hà Nội, đường Vành đai trong, nút giao thông Bình Thái (đã có thiết kế cơ sở). Do đó, cần có giải pháp nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan dọc trục đường, đảm bảo sự tương đồng về tính chất, chức năng, đem lại hiệu quả về đầu tư đồng thời sẽ đem lại lợi ích về kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Nghiên cứu giải pháp quy hoạch các hạng mục hạ tầng kỹ thuật kết nối với khu vực lân cận, cung cấp đến từng khu vực trong đồ án quy hoạch cho phù hợp định hướng điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức.

### 3. Mục tiêu của nhiệm vụ quy hoạch:

- Cân đối cơ cấu sử dụng đất, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với định hướng của nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức.

- Chuyển đổi hoạt động sản xuất của các cơ sở công nghiệp hiện hữu thông qua giải pháp quy hoạch, mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, lợi ích cho địa phương, đồng thời cải thiện cảnh quan môi trường.

- Khai thác tối đa các lợi thế về giao thông, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nghiên cứu các tác động từ giao thông để tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Chuẩn hóa lại hệ thống giao thông nội bộ, cải tạo các khu dân cư hiện hữu, tránh việc quy hoạch không khả thi, nhằm hạn chế việc ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Định hướng về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại khu vực, làm cơ sở lập đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu).

- Về công trình công cộng: quy hoạch các khu công trình công cộng, khu y tế, khu giáo dục, khu thương mại dịch vụ.... nhằm phục vụ cộng đồng dân cư của đề án cũng như khu vực xung quanh của phường Trường Thọ, quận Thủ Đức.

- Về hạ tầng kỹ thuật: kết nối hạ tầng đồng bộ trong phạm vi khu quy hoạch và các khu lân cận ngoài quy hoạch.

- Đáp ứng các yêu cầu về sử dụng đất, đảm bảo an toàn và tiện nghi cho con người khi lập quy hoạch xây dựng và thiết kế xây dựng công trình.

- Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan chung của khu vực khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị.

### 4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Ghi chú
A	<b>Các chỉ tiêu sử dụng đất</b>			
	Đất đơn vị ở	m <sup>2</sup> /ng	43,64	

	+ Đất nhóm nhà ở	m <sup>2</sup> /ng	30,1	Tính trung bình trên toàn khu vực đề án, đối với từng loại hình nhà ở cần phân bổ chỉ tiêu đất nhóm ở phù hợp khi lập đề án.
	+ Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở: * Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở. * Đất công trình công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở còn lại (văn hóa-thể dục thể thao, y tế...).	m <sup>2</sup> /ng	4,19  2,7  1,49	
	+ Đất cây xanh sử dụng công cộng	m <sup>2</sup> /ng	2,18	
	+ Đất giao thông	m <sup>2</sup> /ng	7,17	Tính đến đường cấp phân khu vực (lộ giới ≥ 13m)
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc</b>			
	- Quy mô dân số dự kiến	người	16.000	
	- Mật độ xây dựng	%	30 - 40	
	- Tầng cao xây dựng	Tầng	1 - 30	
	Hệ số sử dụng đất		1 - 2	
<b>C</b>	<b>Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>			
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày đêm	200	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày đêm	200	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2.000 - 3.000	
	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày đêm	1- 1,5	

### **5. Các điểm lưu ý khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:**

- Về đất công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở: do dân số toàn khu đồ án điều chỉnh tăng lên, cần bố trí các hạng mục công trình phù hợp với quy mô dân số của đồ án, đảm bảo phục vụ người dân trong khu vực theo quy định.

- Về đất công trình giáo dục: đề nghị bố trí quỹ đất giáo dục theo quy hoạch mạng lưới giáo dục đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức phê duyệt và Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020 và phân bổ đảm bảo chỉ tiêu và bán kính phục vụ tối thiểu cho đơn vị ở theo quy chuẩn xây dựng.

- Đối với khu đất có chức năng hỗn hợp chuyển đổi từ các khu đất công nghiệp hiện hữu, cần xác định tỷ lệ các chức năng sử dụng đất phù hợp trong giai đoạn lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu), trong đó cần giữ lại một phần diện tích quỹ đất để bố trí công trình công cộng, công viên cây xanh phục vụ cho khu vực (đối với các khu đất có diện tích lớn dành khoảng 50% diện tích).

- Về kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị khu vực: lưu ý việc tổ chức kiến trúc cảnh quan dọc các trục đường chính và khu vực; việc tổ chức không gian kiến trúc khu vực đồ án cần theo định hướng chung sau: ưu tiên bố trí các công trình cao tầng dọc các trục giao thông chính - đặc biệt là xung quanh nút giao thông Bình Thái; ưu tiên bố trí các cụm công trình có chức năng thương mại - dịch vụ (cao tầng) trong khu trung tâm và dọc các trục đường chính của đồ án. Đồng thời, dọc trục giao thông Xa lộ Hà Nội có tuyến Metro số 1 đang thực hiện nên quá trình nghiên cứu cần lưu ý việc tập trung dân cư dọc tuyến đường này cho phù hợp, để tăng hiệu quả đầu tư của dự án, tận dụng được ưu thế của phương tiện giao thông vận tải khối lượng lớn. Việc nghiên cứu đồ án điều chỉnh cần phối hợp với công tác lập thiết kế đô thị dọc tuyến Xa lộ Hà Nội có tuyến Metro số 1 đang được thực hiện.

- Xác định khu trung tâm cấp đơn vị ở và các cụm nhóm ở theo từng loại hình nhà ở, đảm bảo bán kính phục vụ của các công trình dịch vụ công cộng, khu công viên cây xanh - sân chơi theo quy định.

- Về bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật: trong phạm vi đồ án bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho khu vực cũng như đô thị theo quy định.

- Cần cập nhật các dự án, các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt và thực hiện nối kết hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các đồ án quy

hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và 1/2000 tiếp giáp khu vực đồ án quy hoạch, để đảm bảo phục vụ với quy mô dân số được điều chỉnh hiện nay.

- Hiện nay, hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức đang trong quá trình thiết lập thẩm định, chưa được phê duyệt. Trong quá trình lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) cần cập nhật những thay đổi (nếu có) theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận Thủ Đức được duyệt.

- Đối với các khu đất dọc các sông, rạch, cần phải tuân thủ quy định về chỉ giới sông, rạch và không được xây dựng công trình kiến trúc theo quy định trong phạm vi này. Đối với hành lang bờ sông, rạch cần tuân thủ theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Hình thức quy cách thể hiện bản vẽ theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng và thực hiện theo Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

**Điều 2.** Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) được duyệt, giao Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh - Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) để Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Giám đốc Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh - Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3499/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 134/CT-TTg  
ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Chỉ thị số 134/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 415/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 134/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị số 06/2010/CT-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với quỹ đất do các tổ chức đang quản lý, sử dụng;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4412/TNMT-ĐKKTD ngày 15 tháng 7 năm 2010 về ban hành kế hoạch kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số

134/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức được Nhà nước  
giao đất, cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3499/QĐ-UBND*

*ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Thực hiện Chỉ thị số 134/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, Quyết định số 415/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 134/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai đối với các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thành phố với nội dung cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

#### **1. Mục đích:**

- Kịp thời khắc phục những yếu kém, chấn chỉnh lại việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai nhằm lập lại trật tự kỷ cương, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; đưa việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức vào nề nếp, đúng pháp luật.

- Truy thu các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai chưa nộp của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; thu hồi số tiền cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với những tổ chức sử dụng đất vi phạm pháp luật đất đai đến mức thu hồi đất thì thực hiện thu hồi đất sử dụng vào mục đích công ích hoặc bán đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của thành phố.

#### **2. Yêu cầu:**



- Việc kiểm tra phải toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm; việc xử lý vi phạm pháp luật đất đai đối với các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất phải được thực hiện nghiêm minh, theo đúng pháp luật đất đai hiện hành.

- Trường hợp sử dụng đất sai mục đích, cho thuê, cho mượn đất hoặc sử dụng đất lãng phí, để đất hoang hóa không sử dụng và các trường hợp vi phạm khác gây nhiều bức xúc trong dư luận phải cương quyết thu hồi.

- Trường hợp vi phạm nghiêm trọng phải truy tố trước pháp luật; đồng thời làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức sử dụng đất có vi phạm để xử lý kỷ luật theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, trong quá trình kiểm tra, cơ quan kiểm tra và tổ chức quản lý, sử dụng đất cần tuân thủ các yêu cầu sau:

+ Việc kiểm tra không được làm xáo trộn tình hình hoạt động của các tổ chức sử dụng đất.

+ Tổ chức quản lý, sử dụng đất có trách nhiệm cung cấp hồ sơ liên quan về đất đai cho Đoàn công tác (được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện) đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu.

## **II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIỂM TRA:**

### **1. Phạm vi, đối tượng kiểm tra:**

- Việc kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai được thực hiện đối với tất cả các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thành phố, trong đó trọng tâm là các tổ chức quản lý, sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất gồm: tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công.

### **2. Nội dung kiểm tra, xử lý vi phạm:**

Việc kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng đất của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo các nội dung sau đây:

- Việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền chuyển quyền sử dụng đất,...).

- Sử dụng đất đúng mục đích theo Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả.

- Tình hình tranh chấp đất đai, cho thuê, cho mượn, liên doanh liên kết, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất trái phép; chậm đưa đất vào sử dụng, để đất hoang hóa, quản lý lỏng lẻo dễ bị lấn, bị chiếm đất, sử dụng đất không phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Tình hình đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, gia hạn sử dụng đất đối với đất hết thời hạn sử dụng.

- Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất trái pháp luật.

### **3. Thời gian bắt đầu kiểm tra, xử lý vi phạm và thời hạn hoàn thành:**

Thời gian kiểm tra, xử lý của các Đoàn công tác của thành phố và của cấp quận, huyện bắt đầu từ đầu tháng 8 năm 2010 và kết thúc trước ngày 15 tháng 9 năm 2011.

### **4. Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý:**

Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 15 của các tháng 9, 12 năm 2010; tháng 3, 6 và 9 năm 2011.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý của cấp quận, huyện và thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố vào ngày 30 của các tháng 9, 12 năm 2010; tháng 3, 6 và 9 năm 2011; đồng thời tổng hợp toàn bộ kết quả kiểm tra, xử lý trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 10 năm 2011.

### **5. Kinh phí thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm:**

Kinh phí cho các hoạt động kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất do ngân sách thành phố cân đối.

## **III. PHÂN CÔNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Ủy ban nhân dân thành phố:**

- Quyết định thành lập Đoàn công tác cấp thành phố kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất (gọi tắt là Đoàn công tác) bao gồm các thành viên: Sở Tài nguyên và Môi trường (Thường trực), Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Thanh tra thành phố và Cục Thuế thành phố, thực hiện trong đầu tháng 8 năm 2010; các Sở, ngành có trách nhiệm cử đại diện tham gia Đoàn công

tác, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định thành lập Đoàn công tác.

- Phê duyệt kinh phí cho các hoạt động kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Đoàn công tác, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai hoặc quyết định thu hồi đất (đối với trường hợp thu hồi đất).

- Trường hợp vi phạm nghiêm trọng phải truy tố trước pháp luật, trên cơ sở báo cáo đề xuất của Đoàn công tác, chuyển cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý theo quy định.

## **2. Đoàn công tác cấp thành phố:**

- Trên cơ sở kết quả kiểm kê theo Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo đề xuất Đoàn công tác cấp thành phố tổ chức kiểm tra những tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có vi phạm pháp luật điển hình, gây bức xúc trong dư luận xã hội để xử lý theo quy định.

- Đoàn công tác cấp thành phố, căn cứ vào báo cáo, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện và kết quả kiểm tra trực tiếp của Đoàn công tác, giao Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý những hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

- Trường hợp phải thu hồi đất, Đoàn công tác thành phố đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi đất. Việc giao đất để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai và đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện.

- Những trường hợp vi phạm nghiêm trọng phải truy tố trước pháp luật, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chuyển cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý theo quy định.

## **3. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Căn cứ văn bản cử đại diện của các Sở, ngành để tổng hợp, thành lập các đoàn kiểm tra, xử lý bảo đảm thời gian và hiệu quả công việc.

- Lập dự toán kinh phí hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định.

- Căn cứ kết quả kiểm kê theo Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp quận,

huyện, chọn những tổ chức quản lý sử dụng đất có vi phạm điển hình báo cáo, đề xuất Đoàn công tác để ưu tiên kiểm tra, xử lý trước.

- Sắp xếp lịch kiểm tra, xử lý để gửi các thành viên Đoàn công tác cùng tham gia và thông báo cho tổ chức quản lý, sử dụng đất biết trước khi tiến hành kiểm tra chậm nhất là 05 ngày làm việc.

- Thiết lập mẫu biên bản và các biểu mẫu dùng cho việc kiểm tra bảo đảm đầy đủ nội dung, khoa học và thuận tiện cho việc tổng hợp, báo cáo.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo khoản 4 Mục II của Kế hoạch này; đối với những tổ chức sử dụng đất có vi phạm thuộc trách nhiệm quản lý ngành thì chủ động xem xét xử lý và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; đối với những tổ chức sử dụng đất vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc của Bộ, ngành Trung ương, căn cứ ý kiến kết luận của Đoàn công tác, quy định của pháp luật đất đai và pháp luật khác có liên quan đề xuất biện pháp xử lý, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

#### **4. Sở Xây dựng:**

Đối với những tổ chức sử dụng đất vi phạm pháp luật về nhà ở, công trình xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý ngành, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chủ động xem xét xử lý và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì đề xuất ý kiến với Đoàn công tác để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định.

#### **5. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:**

Đối với những tổ chức sử dụng đất vi phạm các quy định về quy hoạch thuộc trách nhiệm quản lý ngành, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chủ động xem xét xử lý và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì đề xuất ý kiến với Đoàn công tác để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định.

#### **6. Sở Giao thông vận tải:**

Đối với những tổ chức sử dụng đất vi phạm các quy định về hạ tầng giao thông, sông, kênh, rạch thuộc trách nhiệm quản lý ngành, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chủ động xem xét xử lý và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì đề xuất ý kiến với Đoàn công tác để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định.

**7. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan, cân đối và bố trí đủ kinh phí cho các hoạt động kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đất đai trong toàn thành phố từ nguồn ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn sử dụng kinh phí của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường; chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc sử dụng kinh phí đối với hoạt động này.

- Thẩm định dự toán kinh phí do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, làm cơ sở bố trí kinh phí cho hoạt động kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Đối với những tổ chức sử dụng đất vi phạm pháp luật về tài chính đất đai thuộc trách nhiệm quản lý ngành, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chủ động xem xét xử lý và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì đề xuất ý kiến với Đoàn công tác để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định.

**8. Thanh tra thành phố:**

- Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan, đề xuất với Đoàn công tác những biện pháp xử lý cụ thể để tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

- Chủ động thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức có vi phạm theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định.

**9. Cục Thuế thành phố:**

Đối với những tổ chức sử dụng đất vi phạm pháp luật về tài chính đất đai thuộc trách nhiệm quản lý ngành (chưa kê khai nộp tiền thuê đất, chậm nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất hoặc cho thuê lại đất, chuyển nhượng đất trái pháp luật, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, ...), căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chỉ đạo Chi cục Thuế các quận, huyện chủ động xem xét xử lý truy thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, tiền cho thuê lại đất để thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì đề xuất ý kiến với Đoàn công tác để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xử lý.

**10. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Rà soát để có ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư và phối hợp xử lý các đối tượng thuê lại nhà đất trái với quy định của pháp luật.

### **11. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:**

- Cử đại diện tham gia Đoàn công tác cấp thành phố trong trường hợp có đề nghị của Đoàn công tác.

- Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện lập Kế hoạch kiểm tra, xử lý (trong trường hợp cần thiết) và quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn gồm đại diện Thanh tra Nhà nước, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị (hoặc Phòng Công Thương), Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Chi cục Thuế và đại diện Ủy ban nhân dân cấp phường, xã, thị trấn ngay sau khi Ủy ban nhân dân ban hành Kế hoạch này (trong tháng 8 năm 2010).

- Đoàn công tác cấp quận, huyện kiểm tra, xử lý nội dung như sau:

+ Lập thành danh sách các trường hợp vi phạm, gửi báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để ưu tiên tiến hành kiểm tra, xử lý trước những trường hợp vi phạm điển hình.

+ Tổ chức kiểm tra những tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có vi phạm pháp luật để xử lý theo quy định.

+ Đối với những trường hợp vi phạm nhưng chưa đến mức phải thu hồi đất thì chủ động xem xét xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền thì đề xuất ý kiến với Đoàn công tác thành phố.

+ Đối với những trường hợp vi phạm đến mức phải thu hồi đất thì căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cũng như nhu cầu sử dụng đất của địa phương để đề xuất thu hồi đất sử dụng vào mục đích công ích (xây dựng trường học, bệnh viện, công viên cây xanh,...) hoặc đề xuất thu hồi giao Tổ chức phát triển quỹ đất đưa ra bán đấu giá theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời cho Đoàn công tác theo khoản 4 Mục II của Kế hoạch này.

### **12. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:**

- Kiểm tra, phát hiện kịp thời và xử lý triệt để các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, xây dựng của các tổ chức sử dụng đất có vi phạm trên địa bàn; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện xử lý theo quy định.

- Phối hợp với Đoàn công tác cấp quận, huyện và cấp thành phố thực hiện Kế hoạch này.

**13. Tổ chức thực hiện:** Căn cứ nội dung Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường (Thường trực Đoàn công tác) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn tổ chức triển khai, thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo tiến độ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**